

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2022 và biên bản lấy lời khai ngày 18/03/2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự tranh chấp thụ lý số: 86/2021/TLST-DSTC ngày 22 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện LN, tỉnh BG.

Bị đơn:

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1982

- Chị Cao Thị T1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N 1, xã T, huyện LN, tỉnh BG

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện LNg, tỉnh BG

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Đình V và anh Trần Văn T, chị Cao Thị T1, bà Nguyễn Thị C thống nhất thoả thuận:

Anh T, chị T1, bà C nợ ông V 400.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày 26/08/2021 đến ngày 21/03/2022 với mức lãi suất 10%/năm.

Anh T, chị T1, bà C trả ông V số tiền nợ thành 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 01/09/2022 anh T, chị T1, bà C trả ông V số tiền 200.000.000 đồng;

- Lần 2: Ngày 01/05/2023 anh T, chị T1, bà C trả ông V số tiền 223.000.000 đồng;

Về án phí: Anh Trần Văn T, chị Cao Thị T1, bà Nguyễn Thị C phải liên đới chịu 10.460.000 đồng tiền án phí DSST.

Ông Nguyễn Đình V thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí.

Kể từ ngày tiếp theo quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% của số tiền còn phải thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Công Định